TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng.

2. Bà Phan Thị Nga.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1991 (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cư trú: Số 112/2 khu vực T, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Th, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và Lê Thị Th tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha, mẹ hai bên đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm nên thường cãi nhau và vợ tự ý về nhà cha mẹ ruột (ấp Long Thành, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) sống, vợ chồng không còn chung sống hơn 02 năm đến nay. Từ khi không còn sống chung, vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, anh yêu cầu được ly hôn với Lê Thị Th. Về quan hệ con chung: Không có. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Lê Thị Th được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa anh T có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Lê Thị Th kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ ngày 31/5/2013, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau và ly thân khoảng 02 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh T yêu cầu xin ly hôn với chị Th, chị Th không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị Th là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Th, chị Th có nơi cư trú ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lê Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng

vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng anh T, chị Th là có căn cứ.

[3] Anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Th. Anh T và chị Th có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng chị Th vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị Th đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều không thể hàn gắn và vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn 02 năm đến nay. Điều này, thể hiện tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T đối với chị Lê Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Th.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận anh Trần Văn T trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh Trần Văn T và chị Lê Thị Th vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với T cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Trần Văn T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai thu số 0019808 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2018. Anh T đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND phường Tân Lộc,
quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư